

Bản án số: 847/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2025
*V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nghiêm Thị Minh và ông Lê Đình Khoát;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 650/2025/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1990; có mặt.

CCCD số: 001190036853, do CSQLHC về TTXH – Bộ A cấp ngày 04/6/2025.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã N, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; có mặt.

CCCD số: 001088045722, do CSQLHC về TTXH – Bộ A cấp ngày 04/6/2025

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã N, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Dương Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/10/2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S thành phố Hà Nội (nay là xã N). Trước khi cưới được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép gì. Cưới xong vợ chồng ở chung với gia đình chồng ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn và chị bỏ đi ra ở riêng từ ngày 01/8/2025 cho đến nay. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không có tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin được ly hôn với anh H. Nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm tại bản tự khai và tại buổi hòa giải ngày 09/12/2025 không có thay đổi bổ sung gì.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh 07/3/2008; Nguyễn Lâm H2, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/12/2017. Hiện nay cháu K đang ở với chị, cháu H1 và cháu H2 đang ở với bố. Ly hôn: Quan điểm của chị M: Sau khi công khai lời khai của các con chung, chị nhất trí quan điểm và nguyện vọng của các cháu nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm là có nguyện vọng nuôi cháu nhỏ là cháu K vì cháu ở với chị từ khi chị bỏ đi và vợ chồng ly thân cho đến nay và cháu cũng có nguyện vọng ở với chị; còn 02 cháu lớn là cháu H1 và cháu H2 chị tự nguyện giao cho anh H nuôi dưỡng vì các cháu cũng có nguyện vọng ở với bố. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu K cùng chị. Đối với cháu H1 và H2 chị tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu (tổng là 2.000.000 đồng) cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị đang thuê nhà sinh sống và bố mẹ cho tôi đất ở quê và hiện đang kinh doanh buôn bán tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng hơn 15.000.000 đồng. Vì làm tự do nên chị không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian chung sống là đúng. Anh và chị Dương Thị Minh đăng K1 kết hôn với nhau vào ngày ngày 02/10/2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S cũ. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép gì. Cưới xong vợ chồng ở nhà bố mẹ đẻ anh ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn và chị M bỏ đi ra ở riêng từ ngày 01/8/2025 cho đến nay. Nguyên nhân là tôi phát hiện chị M có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác nên chúng tôi bất đồng quan điểm, không có tình cảm; việc ngoại tình của chị M tôi không có chứng cứ gì. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nhất trí ly hôn. Nay anh vẫn giữ nguyên quan điểm tại buổi hòa giải ngày 09/12/2025 không có thay đổi bổ sung gì.

-Về con chung: Anh C thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 07/3/2008; Nguyễn Lâm H2, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/12/2017. Hiện nay cháu K đang ở với chị M, cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh. Sau khi công khai lời khai của các con chung là cháu K muốn ở với mẹ, cháu H1 và cháu H2 muốn ở với anh nhưng anh vẫn xin nuôi 01 cháu là cháu H2 hoặc cháu K, còn lại anh tự nguyện giao cháu H1 và cháu H2 hoặc cháu K cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay anh đang bị bệnh thoái hóa, thoát vị đĩa đệm nên sức khỏe yếu. Nay anh vẫn giữ nguyên quan điểm tại buổi hòa giải ngày 09/12/2025 không có thay đổi bổ sung gì.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm** (Kèm theo bài phát biểu lưu hồ sơ):

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của BLTTDS; tòa án thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình; việc xác minh thu thập chứng cứ đảm bảo đúng theo quy định pháp luật; tòa xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc ra Quyết định xét xử và tổng đạt cho đương sự; gửi QĐXX và chuyển hồ sơ cho VKS đúng thời hạn; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh 07/3/2008; Nguyễn Lâm H2, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/12/2017.

Giao cháu K cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi khác về việc nuôi con chung*); Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi có sự thay đổi khác.

Giao cháu H1 và cháu H2 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi khác về việc nuôi con chung*); Chị M tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 và H2 mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu (tổng 2.000.000 đồng) cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Dương Thị M có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn H có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn N, xã N, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S thành phố Hà Nội (nay là xã N) vào ngày 02/10/2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn và chị bỏ đi ra ở riêng từ ngày 01/8/2025 cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tình cảm, nay chị M không còn tình cảm với anh H. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ ngày 01/8/2025 cho đến nay. Tòa án đã để cho hai vợ chồng có thời gian hòa giải; tuy nhiên tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi, anh H cũng không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng, anh H cũng nhất trí ly hôn vì cho rằng chị M có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nhưng anh cũng không có chứng cứ gì. Xét tình cảm giữa chị M và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc thuận tình ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, cần được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn để giải phóng cho các bên là cần thiết.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh 07/3/2008; Nguyễn Lâm H2, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/12/2017. Khi ly hôn cả chị M và anh H đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu K; anh H xin nuôi 1 con chung là cháu K hoặc cháu H2; đối với cháu H1 cả chị M và anh H đều không ai muốn nhận nuôi dưỡng; Tuy nhiên, hiện nay cả 03 cháu đều đã trên 7 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con... nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Xét nguyện vọng của cháu K là muốn được ở với mẹ; cháu H1 và H2 đều có nguyện vọng được ở với bố. Mặt khác, xét điều kiện nuôi con của anh H là có nơi ở ổn định nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng cháu trưởng thành và hiện các cháu H1, H2 vẫn đang ở cùng bố và cháu K vẫn đang ở cùng mẹ từ khi vợ chồng ly thân và các cháu vẫn đang phát triển tốt. Do vậy, xét nguyện vọng của chị M là phù hợp với các quy định của pháp luật, cần giữ nguyên môi trường sống của các cháu và tránh sự thay đổi nên cần chấp nhận giao cháu K cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Giao cháu H1 và H2 cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị M đối với cháu H1 và H2 mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng (tổng 2.000.000 đồng) kể từ tháng 01/2026 cho đến khi 02 cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K đối với anh H. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Minh và anh Nguyễn Văn H.

Xử:

1. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh 07/3/2008; Nguyễn Lâm H2, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/12/2017.

Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/12/2017 cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi khác về việc nuôi con chung*); Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi có sự thay đổi khác vì chị M không yêu cầu.

Giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 07/3/2008; Nguyễn Lâm H2, sinh anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi khác về việc nuôi con chung*);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị M đối với cháu H1 và H2 mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu (tổng 2.000.000 đồng) thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi; hình thức cấp dưỡng mỗi tháng chuyển khoản 01 lần. Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung; tài sản riêng; đất ở, đất nông nghiệp, công nợ; công sức: Không xem xét.

3. Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0016136 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị M phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chưa nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Định